**ĐẶC ĐIỂM CHẤT LƯỢNG CỦA BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

***ThS. Đào Thị Đài Trang***

***Khoa Kế Toán – Đại học Duy Tân***

***daitrangdtu@gmail.com***

**Tóm tắt:**

Báo cáo tài chính (BCTC) là sản phẩm của kế toán tài chính, là đầu ra của hệ thống thông tin kế toán. Mục đích của BCTC là cung cấp thông tin tài chính hữu ích về doanh nghiệp cho các nhà đầu tư hiện tại và tiềm năng, người cho vay và các chủ nợ khác trong việc đưa ra quyết định về việc cung cấp nguồn lực cho doanh nghiệp (IASB, 2010a). BCTC là nguồn thông tin quan trọng cho các giao dịch về vốn của doanh nghiệp, đặc biệt trên thị trường chứng khoán. Một BCTC hữu ích là BCTC có những đặc điểm chất lượng bắt buộc Sau đây là một số đặc điểm chất lượng của BCTC

**1. Đặc điểm chất lượng của báo cáo tài chính**

Theo Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IASB) và Ủy ban Chuẩn mực Kế toán Tài chính(FASB), các đặc điểm chất lượng của thông tin tài chính hữu ích được phân ra thành các đặc điểm chất lượng cơ bản và các đặc điểm chất lượng bổ sung.

Các đặc điểm chất lượng cơ bản: thích hợp và trình bày trung thực.

Các đặc điểm chất lượng bổ sung: có thể so sánh; có thể kiểm chứng; kịp thời và có thể hiểu.

**2. Các đặc điểm chất lượng cơ bản**

*(1)Thích hợp (Relevance)*

Để thích hợp, thông tin kế toán phải có khả năng tạo ra sự khác biệt trongviệc ra quyết định của đối tượng sử dụng thông tin. Theo đó, “nó phải có giá trịdự đoán, giá trị xác nhận, hoặc cả hai” (IASB, 2010a).

Thông tin tài chính có giá trị dự đoán (predictive value) nếu nó có thể đượcsử dụng như một dữ liệu đầu vào cho người sử dụng dự đoán kết quả tương lai.Thông tin tài chính có giá trị xác nhận (confirmatory value) nếu nó cung cấpthông tin phản hồi về các đánh giá trước đó.Giá trị dự đoán và giá trị xác nhận của thông tin tài chính liên quan đếnnhau. Thông tin có giá trị dự đoán thường cũng có giá trị xác nhận. Chẳng hạn,thông tin về doanh thu năm hiện tại, có thể được sử dụng làm cơ sở để dự đoándoanh thu trong những năm tương lai, cũng có thể được so sánh với dự đoándoanh thu cho năm hiện tại đã được thực hiện trong năm trước. Kết quả củanhững so sánh đó có thể giúp cải thiện các quy trình đã được sử dụng để thựchiện những dự đoán trước đó (IASB, 2010a)..

*(2)Trình bày trung thực (Faithful representation)*

Thông tin được trình bày trung thực khi nó được mô tả đầy đủ (complete), trung lập (neutral)và không mắc lỗi (free from error)(IASB, 2010a).

Thông tin đầy đủ bao gồm tất cả các thông tin cần thiết cho người sử dụng hiểu được các hiện tượng, bao gồm tất cả các mô tả và giải thích cần thiết. Đối với một số khoản mục, thông tin đầy đủ cũng đòi hỏi có sự giải thích các sự kiện quan trọng về chất lượng và tính chất của khoản mục, các yếu tố và điều kiện ảnh hưởng đến bản chất của khoản mục.

Thông tin trung lập khi không có sự thiên vị trong việc lựa chọn hoặc trình bày, không bị thiên lệch nhằm đạt đến một kết quả định trước hay chịu ảnh hưởng của một thái độ cá biệt. Trình bày trung thực không có nghĩa là chính xác trong tất cả các khía cạnh. Không mắc lỗi có nghĩa là không có sai sót hoặc thiếu sót trong các mô tả và quy trình soạn thảo thông tin. Chẳng hạn, một ước tính không thể được xác định là chính xác hoặc không chính xác, tuy nhiên, việc trình bày ước tính được xem là trung thực nếu số tiền được mô tả một cách rõ ràng, bản chất và hạn chếcủa quá trình ước tính được giải thích.

**3. Các đặc điểm chất lượng bổ sung**

Có thể so sánh, có thể kiểm chứng, kịp thời và có thể hiểu là những đặc điểm chất lượng nhằm nâng cao tính hữu ích của thông tin thích hợp và được trình bày trung thực.

*(1) Có thể so sánh (Comparability)*

Thông tin về một doanh nghiệp sẽ hữu ích hơn nếu nó có thể được so sánh với thông tin tương tự ở doanh nghiệp khác hoặc ở cùng một doanh nghiệp trong các kỳ khác nhau. Có thể so sánh cho phép người sử dụng phân biệt và hiểu sự giống nhau hay có khác nhau về các khoản mục (IASB, 2010a). Có thể so sánh liên quan đến sự nhất quán, nhưng chúng không phải là một. Sự nhất quán đề cập đến việc sử dụng các phương pháp giống nhau cho các các khoản mục tương tự nhau. Có thể so sánh là mục tiêu, còn nhất quán là điều kiện để đạt được mục tiêu đó.

 *(2)Có thể kiểm chứng (Verifiability****)***

Có thể kiểm chứng giúp đảm bảo với người sử dụng rằng những thông tin trình bày trung thực đối với các hiện tượng kinh tế. Có thể kiểm chứng có nghĩa là những người quan sát và đánh giá đủ năng lực và độc lập khác nhau có thể đạt được sự đồng thuận, mặc dù không phải là hoàn toàn, về việc thông tin được trình bày trung thực. Kiểm chứng có thể được thực hiện trực tiếp hoặc gián tiếp. Kiểm chứng trực tiếp là việc xác minh một khoản mục hoặc một thuyết minh thông qua việc quan sát trực tiếp, chẳng hạn như đếm tiền. Kiểm chứng gián tiếp là việc kiểm tra dữ liệu đầu vào, các công thức tính toán, hoặc tính toán lại đầu ra bằng phương pháp tương tự.

*(3)Kịp thời (Timeliness)*

Kịp thời có nghĩa là có thông tin có sẵn cho người sử dụng ra quyết định đúng lúc. Nói chung, thông tin cũ thì kém hữu ích hơn. Nếu báo cáo chậm trễ thì thông tin sẽ mất đi tính thích hợp. Tuy nhiên, một số thông tin có thể vẫn hữu ích lâu sau khi kết thúc kỳ báo cáo, bởi vì người sử dụng cần các thông tin để xác định và đánh giá xu hướng phát triển.

*(4)Có thể hiểu (Understandability)*

Thông tin có thể hiểu nếu nó được phân loại, mô tả và trình bày rõ ràng, xúc tích. BCTC được trình bày cho người sử dụng là những người có những kiến thức nhất định về kinh doanh và hoạt động kinh tế cũng như có khả năng nhất định trong đánh giá và phân tích thông tin. Một số thông tin vốn nó đã phức tạp và rất khó để có thể dễ hiểu. Việc loại

trừ những thông tin này ra khỏi BCTC có thể làm cho thông tin dễ hiểu hơn, tuy nhiên, điều này làm cho báo cáo trở nên không đầy đủ, và do vậy, có thể gây hiểu nhầm. Đôi khi những nhà phân tích phải cần đến sự tư vấn để có thể hiểu những hiện tượng kinh tế phức tạp.

**Tài liệu tham khảo:**

1. Bộ Tài Chính, 2001. Chuẩn mực kế toán, ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC.

2. Bộ Tài Chính, 2002. Chuẩn mực kế toán, ban hành theo quyết định số 162/2002/QĐ-BTC.

3. IASB, 2010. The Conceptual Framework for Financial Reporting, was approved September, 2010

4. IASB, 2010. IFRS Practice Statement Management Commentary

5. Đào Thị Đài Trang, Trịnh Lê Tân, Đặc điểm chất lượng và các nhân tố ảnh hưởng tới báo cáo tài chính, 2019, Tạp Chí Tài Chính.